

Bản án số: 26/2020/DS-ST

Ngày: 24-9-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngo và bà Vũ Thị Nữ;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn - Thư ký Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 60/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 71/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Bích D, sinh năm: 1973 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1985 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Ngọc L, sinh năm: 1975 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trương Thị Bích D trình bày: Ngày 04/10/2019, bà có cho bà Nguyễn Thị Thu T vay số tiền 112.000.000 đồng để mua bán đất. Hai bên thoả thuận lãi là 2%/ tháng, hạn 01 (một) tháng (tức ngày 04/11/2019) sẽ trả tiền lại.

Khi đến hạn, bà T không trả tiền. Bà có đến nhà bà T yêu cầu trả tiền thì bà T chưa có tiền trả và hẹn khi nào bán đất được thì trả.

Sau đó, bà tiếp tục đến nhà bà T đòi nhiều lần và nhận được 03 lần tiền với tổng số tiền 28.000.000 đồng (02 lần trả 8.000.000 đồng = 16.000.000 đồng, 01 lần trả 12.000.000 đồng). Việc bà T vay tiền của bà thì ông Huỳnh Ngọc L (chồng bà T) không tham gia và không biết.

Bà chỉ yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả số tiền gốc là 84.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc L: Đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải trả cho bà D số tiền 84.000.000 đồng. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Trương Thị Bích D khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bà T có địa chỉ tại: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh B. Do đó, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc L đã được triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

- Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà T, ông L không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Việc vắng mặt này của bà T, ông L được coi là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung vụ án:

Giấy vay tiền ngày 04/10/2019 mà bà D cung cấp có nội dung: Bà T có vay của bà D số tiền 112.000.000 đồng vào ngày 04/10/2019, lãi suất 2%/tháng, thời gian trả vào ngày 04/11/2019. Hội đồng xét xử xác định việc bà T có vay 112.000.000 đồng của bà D là có thật, nên phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà D. Tuy nhiên, bà D khai bà T đã trả được 28.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà T phải trả cho bà D số tiền 84.000.000 đồng.

Tại giấy vay tiền ngày 04/10/2019, chỉ có chữ ký vay tiền của bà T, không có chữ ký của ông L. Đồng thời, bà D chỉ yêu cầu bà T phải trả, nên bà T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà D.

- Lãi suất: Bà D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Bích D. Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Trương Thị Bích D số tiền 84.000.000 (tám mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí:

- Bà Trương Thị Bích D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà D số tiền 3.050.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0029198 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 4.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phương